TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 12 - 2024
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Truyền
Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Không tham dự.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/11/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **H**, sinh năm 1975 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 22, ấp A, xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn*: Anh **T**, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 22, ấp A, xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện và bản khai đề ngày 30/6/2024 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị H và anh T tiến đến hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996. Sau đó đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 13/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến thời gian 02 năm nay thì anh T không còn quan tâm đến gia đình, bỏ mặc mọi công việc dẫn đến kinh tế gia đình gặp khó khăn nên chị phải đi làm thuê. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và

mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn nên từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Tr, sinh ngày 24/10/1997 và Nguyễn H, sinh ngày 08/02/2006 hiện đã trên 18 tuổi nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa*: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có bổ sung tài liệu, chứng cứ mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc thì bị đơn cư trú tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh T tiến đến hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày 13/11/2003, chị H và anh T đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là do nguyên nhân anh T không còn quan tâm đến cuộc sống gia đình dẫn đến kinh tế gia đình ngày càng gặp nhiều khó khăn, bỏ mặc chị một mình phải lo mọi việc trong gia đình, chị phải đi làm thuê nhằm ổn định cuộc sống nên từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Mặt khác, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T trong đó thể hiện các yêu cầu của chị H về lý do dẫn đến chị H yêu cầu ly hôn cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, anh T vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu của chị H và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Như vậy, đối với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân cho thấy, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, theo yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh T là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con là Nguyễn Tr, sinh ngày 24/10/1997 và Nguyễn H, sinh ngày 08/02/2006, hiện hai con đã trên 18 tuổi nên chị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị H được ly hôn với anh T.

1.2. Về con chung: có 02 (hai) con chung là Nguyễn Tr, sinh ngày 24/10/1997 và Nguyễn H, sinh ngày 08/02/2006, hiện tại hai con đã trên 18 tuổi nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012894 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND xã A;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa